

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18 -11-2019

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồ Cảnh

Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1989;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm M, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ cư trú hiện tại: Cộng hòa Séc; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Văn T gặp nhau vào cuối năm 2010, sau một thời gian tìm hiểu thì chị và anh T có tình cảm với nhau. Yêu nhau không được bao lâu thì anh T báo tin là anh T đang làm thủ tục đi xuất khẩu lao động sang Cộng hòa Séc.

Sau đó, được sự đồng ý của hai bên gia đình thì chị và anh T đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 26/02/2011, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn được 03 tuần thì anh T đi xuất khẩu lao động sang Cộng hòa Séc cho đến nay không về Việt Nam. Trong thời gian ở nước ngoài, anh T không lo lắng, vun đắp tình cảm vợ chồng nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung giữa vợ và chồng. Khoảng 03 năm trở lại đây, anh T không còn liên lạc với chị nhưng có liên lạc với bố, mẹ đẻ của anh T, cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, chị cũng đã tìm nhiều cách để liên lạc với anh T nhưng không có kết quả. Do không liên lạc được với anh T và gia đình anh T cũng không biết địa chỉ của anh T ở nước ngoài nên chị cũng không thể cung cấp địa chỉ của anh T cho Tòa án. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Lê Văn T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, chị Trần Thị T đang ở Việt Nam nhưng do bận công việc nên chị không thể tham gia phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Lê Văn T, hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng qua thân nhân là ông Lê Văn M và bà Lê Thị N (bố mẹ đẻ của anh T) đến lần thứ hai mà thân nhân của anh T cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh T cho Tòa án biết. Đồng thời cho đến nay, anh T cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ và xét xử vụ án vắng mặt các đương sự bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ông Lê Văn M và bà Lê Thị N là bố, mẹ đẻ của anh T cho biết: Anh Lê Văn T hiện đang lao động tại Cộng hòa Séc, nhưng ông, bà không biết nơi cư trú cụ thể của anh T; thỉnh thoảng anh T có liên lạc điện thoại về cho ông, bà nên anh T cũng biết được việc chị Trần Thị T xin ly hôn và không có ý kiến gì. Việc anh Lê Văn T vắng mặt được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Lê Văn T. Về con và tài sản không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án Ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung nhưng Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị T hiện cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T hiện cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh T có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn anh Lê Văn T không thể tham gia hòa giải được do vắng mặt tại nơi cư trú và hiện đang ở nước ngoài. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt; về phía nguyên đơn chị Trần Thị T không yêu cầu hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Trần Thị T đang cư trú tại Việt Nam, đã nộp và cung cấp đầy đủ đơn khởi kiện, bản tự khai, các giấy tờ, tài liệu cho Tòa án nhưng do bận công việc không tham gia phiên tòa được nên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn T hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn T thông qua người thân là ông Lê Văn M và bà Lê Thị N là bố, mẹ đẻ của anh T, gồm các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xử. Đồng thời yêu cầu anh Lê Văn T trình bày ý kiến của mình về việc chị T có đơn xin ly hôn. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh T cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh T cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh T biết. Tòa án đã tiến hành xác minh qua thân nhân của anh Lê Văn T thì được ông Lê Văn M và bà Lê Thị N cung cấp: Anh T đi xuất khẩu lao động sang Cộng hòa Séc từ tháng 3 năm 2011 đến nay chưa về Việt

Nam. Hiện đang lao động tại Cộng hòa Séc, nhưng ông, bà không biết nơi cư trú cụ thể, thỉnh thoảng anh T có liên hệ điện thoại về cho ông, bà và anh T đã biết được việc chị Trần Thị T xin ly hôn. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 01/11/2019 và lần thứ hai vào ngày 18/11/2019, nhưng cả hai lần anh Lê Văn T đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, việc anh Lê Văn T vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ; từ chối khai báo theo quy định tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 26/02/2011, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được 03 tuần thì anh T đi xuất khẩu lao động sang nước ngoài từ đó đến nay không về Việt Nam. Do anh T ở nước ngoài nên giữa anh T và chị T không có điều kiện để vun đắp tình cảm vợ chồng, không có tiếng nói chung và thường xuyên mâu thuẫn. Ba năm trở lại nay, giữa chị T và anh T không còn liên lạc với nhau. Hiện tại, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và mong muốn Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Lê Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Văn T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 37, Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 4 Điều 207, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lê Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003934 ngày 10/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Trần Thị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Lê Văn T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quỳnh